

PHẦN 1

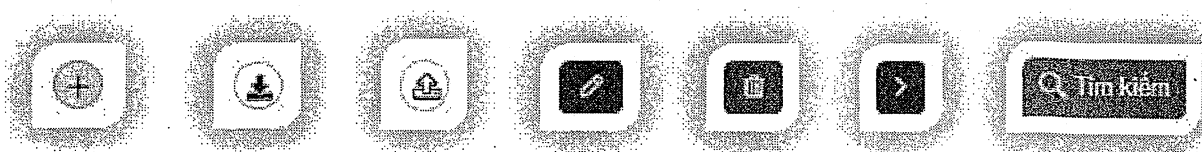
TỔNG QUAN CHUNG VỀ HỆ THỐNG

1. Giới thiệu hệ thống

Phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh - tốt nghiệp - việc làm là phần mềm được xây dựng để hỗ trợ việc thống kê, tổng hợp và báo cáo số lượng tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm trên toàn hệ thống giáo dục nghề nghiệp một cách nhanh chóng và hiệu quả.

2. Các thao tác cơ bản khi sử dụng hệ thống

2.1. Các nút thao tác chính



Thêm mới Xuất excel Import Excel Sửa Xóa Xem chi tiết Tìm kiếm

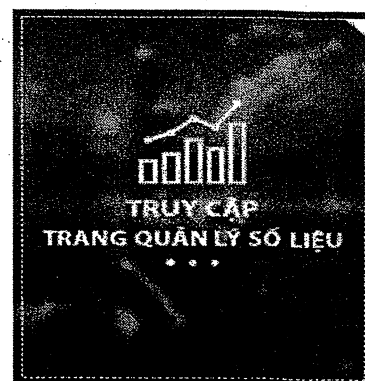
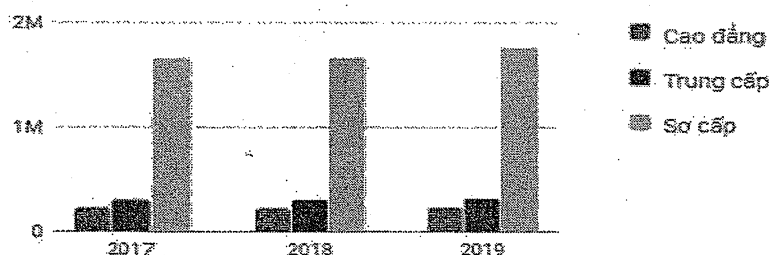
- **Thêm mới:** Tạo mới một đối tượng (trường, ngành nghề,).
- **Xóa:** Xóa một đối tượng (trường, ngành nghề,).
- **Sửa:** Cập nhật thông tin một đối tượng (trường, ngành nghề,).
- **Tìm kiếm:** Tìm kiếm đối tượng (trường, ngành nghề,).
- **Tải lên:** Tải lên các báo cáo tuyển sinh, tốt nghiệp,...
- **In:** Xuất báo cáo tốt nghiệp, tuyển sinh... dạng file excel.

2.2. Hướng dẫn đăng nhập

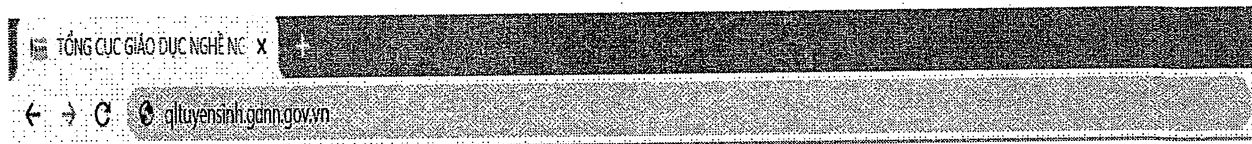
- **Bước 1:** Mở trình duyệt *Chrome* hoặc *Firefox*.
- **Bước 2:** Truy cập vào địa chỉ: <http://daotaocq.gdnn.gov.vn/> và chọn biểu tượng “*Truy cập Trang quản lý số liệu*” trên trang chủ của Website:

QUẢN LÝ SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Số liệu tuyển sinh Giáo dục nghề nghiệp
Thống kê từ năm 2017 đến 2019



hoặc truy cập trực tiếp vào link hệ thống: <http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn/>



- **Bước 3:** Nhập *Tên tài khoản* và *Mật khẩu*.
- **Bước 4:** Nhấn “*Đăng nhập*” để vào hệ thống.

2.3. Quản lý hồ sơ cá nhân

- **Bước 1:** Nhấn vào “*Cài Đặt Hệ Thống*”, chọn “*Hồ Sơ Cá Nhân*” hoặc nhấn vào mũi tên bên góc phải màn hình chọn “*Hồ Sơ Cá Nhân*”.
- **Bước 2:** Tại mục “*Hồ Sơ Cá Nhân*” người dùng có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin cá nhân của tài khoản.

2.3.1. Cập nhật thông tin chung.

- **Bước 1:** Cập nhật bổ sung các thông tin: CMND, Họ và tên, Thư Điện Tử, Quyền Hệ Thống, Ngày sinh, Giới tính, Điện thoại, Địa chỉ, Giới thiệu, Avatar.
- **Bước 2:** Nhấn **Lưu thay đổi** để hoàn tất cập nhật.

2.3.2. Đổi mật khẩu

- **Bước 1:** Tại màn hình Hồ Sơ Cá Nhân, chọn tab **“Đổi mật khẩu”**
- **Bước 2:** Nhập thông tin mật khẩu:
 - Nhập mật khẩu cũ.
 - Nhập mật khẩu mới
 - Nhập lại mật khẩu mới.

MY ACCOUNT

Tên tài khoản

Mật khẩu cũ

Mật khẩu mới

Nhập lại mật khẩu mới

Lưu thay đổi

- **Bước 3:** Chọn **“Lưu thay đổi”** để hoàn tất cập nhật.

2.3.3. Cập nhật đơn vị công tác

- **Bước 1:** Tại màn hình Hồ Sơ Cá Nhân, chọn tab **“Đơn vị công tác”**:
- **Bước 2:** Chọn Sở giáo dục, Trường.
- **Bước 3:** Chọn **“Lưu thay đổi”** để hoàn tất cập nhật.

MY ACCOUNT

Số giáo dục

Cơ cấu

Trường

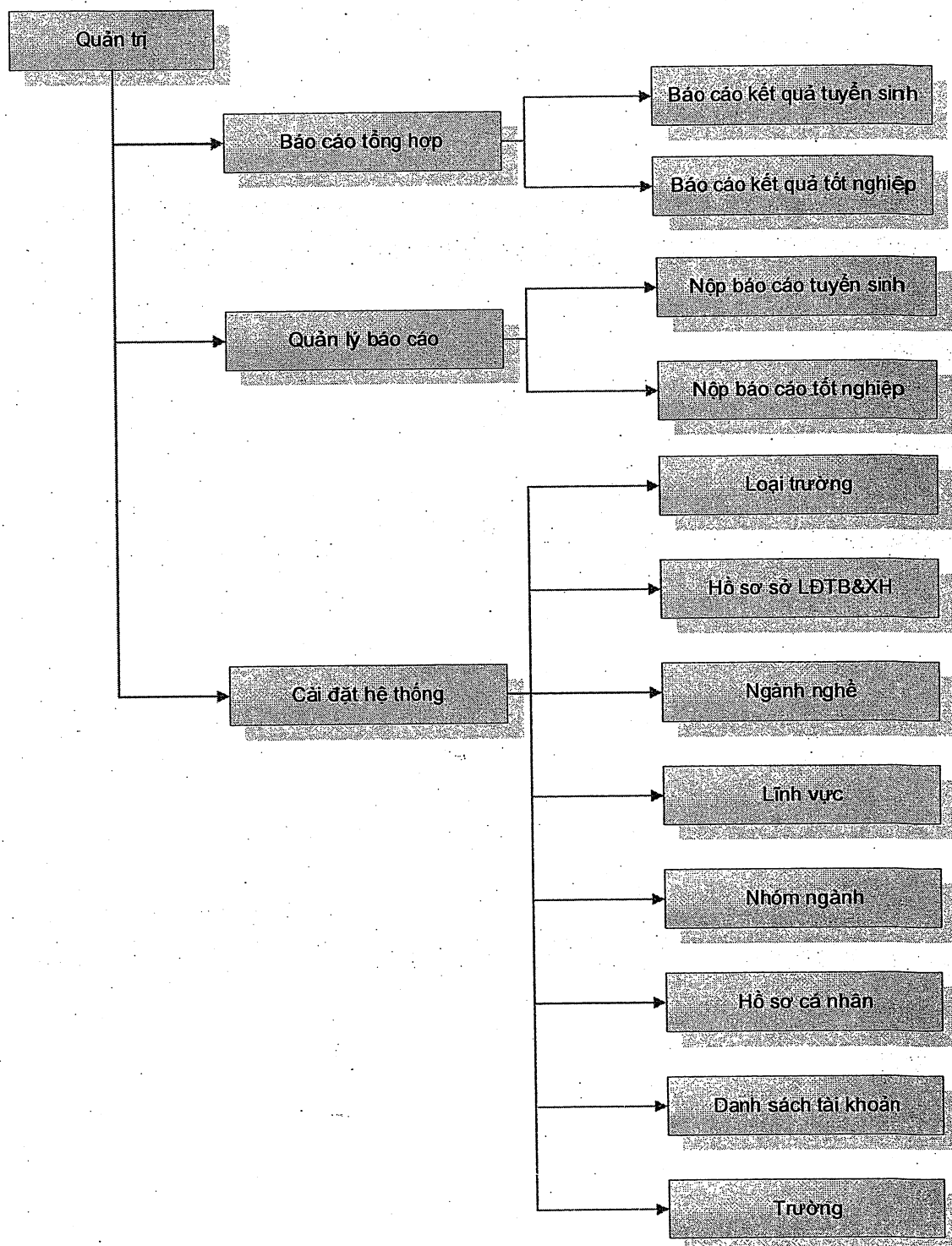
Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý kinh doanh nghiệp Cổ Mầu

Lưu thay đổi

PHẦN 2

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG DÀNH CHO CÁC SỞ

1. Phân quyền



2. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống

2.1. Báo cáo tổng hợp

Tại mục Báo cáo tổng hợp, Sở xem bản tổng hợp số liệu Tuyển sinh – Tốt nghiệp của các trường trực thuộc Sở.

2.1.1. Báo cáo kết quả Tuyển sinh

- Bước 1: Nhấn vào “Báo cáo tổng hợp”, chọn “Báo cáo Kết Quả Tuyển Sinh”
- Bước 2: Tại mục “Báo cáo Kết Quả Tuyển Sinh”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục Trường, Quý, Tháng và Năm.
 - Sau đó nhấn “Tìm”
- Bước 3: Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Địa phương: **Đồng bằng sông Cửu Long**

Số LĐT&XH: **Cà Mau**

Trường: **Tất cả**

Quý: **II**

Tháng: **6**

Năm: **2020**

Tìm

STT	Tên cơ sở GD&N và Ngành, nghề đào tạo			Kế hoạch tuyển sinh năm... (theo đăng ký chỉ tiêu năm)				Trong tổng số:				Chưa có dữ liệu	
				Tổng số	CĐ	TC	Số và đào tạo nghề khác	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Dẫn tiếp từ cấp dưới	Cộng CĐ	Tuyển mới	Liên thông	
													Nữ
Mã trường	Tên trường	Loại hình cơ sở	(1)=(2)+(3)+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(13)+(14)	(6)=(11)+(16)+(21)	(7)=(12)+(17)+(22)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	

Hiện 0 to 0 of 0 entries

2.1.2. Báo cáo kết quả Tốt nghiệp

- Bước 1: Nhấn vào “Báo cáo tổng hợp”, chọn “Báo cáo Kết Quả Tốt Nghiệp”
- Bước 2: Tại mục “Báo cáo kết quả Tốt Nghiệp”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục Trường, Quý, Tháng và Năm.
 - Sau đó nhấn “Tìm”
- Bước 3: Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

- Bước 2: Chọn “Tải bản xem trước” để tải bản báo cáo tổng hợp của các trường.

QUẢN LÝ BÁO CÁO TUYÊN SINH

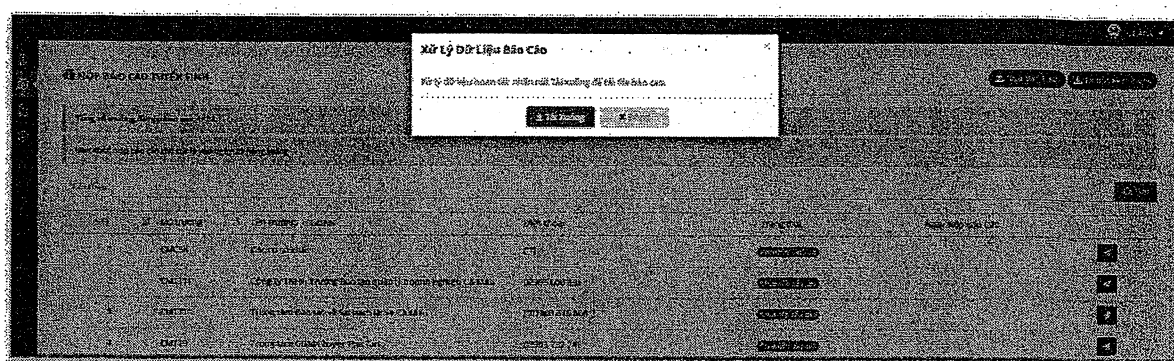
Tên trường để báo cáo:

Hạng chức vụ báo cáo:

Tên đơn vị:

STT	Mã trường	Tên trường/ TGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Ngày nộp Báo Cáo
1	CMCHS	Các cơ sở khác	07	Tải bản xem trước	Đóng
2	CMTH1	Công ty TNHH Thương Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 998	Tải bản xem trước	Đóng
3	CMTH6	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	02903 876 669	Tải bản xem trước	Đóng
4	CMTH9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 780 246	Tải bản xem trước	Đóng
5	CMTH8	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hải	02903 799 267	Tải bản xem trước	Đóng
6	CMTH7	Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	02903 876 611	Tải bản xem trước	Đóng
7	CMTH5	Trung tâm GDNN huyện Đ. Minh	02903 863 042	Tải bản xem trước	Đóng
8	CMTH3	Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thám	02903 830 138	Tải bản xem trước	Đóng

- Hệ thống hiển thị cửa sổ thông báo chờ xử lý dữ liệu báo cáo.
- Chọn “Tải xuống” để lưu tập tin báo cáo về máy tính hoặc chọn “Đóng” để hủy bỏ.



- Bước 3: Chọn “Nộp báo cáo” để gửi báo cáo tổng hợp của các trường lên cho Tổng cục GDNN

QUẢN LÝ BÁO CÁO TUYÊN SINH

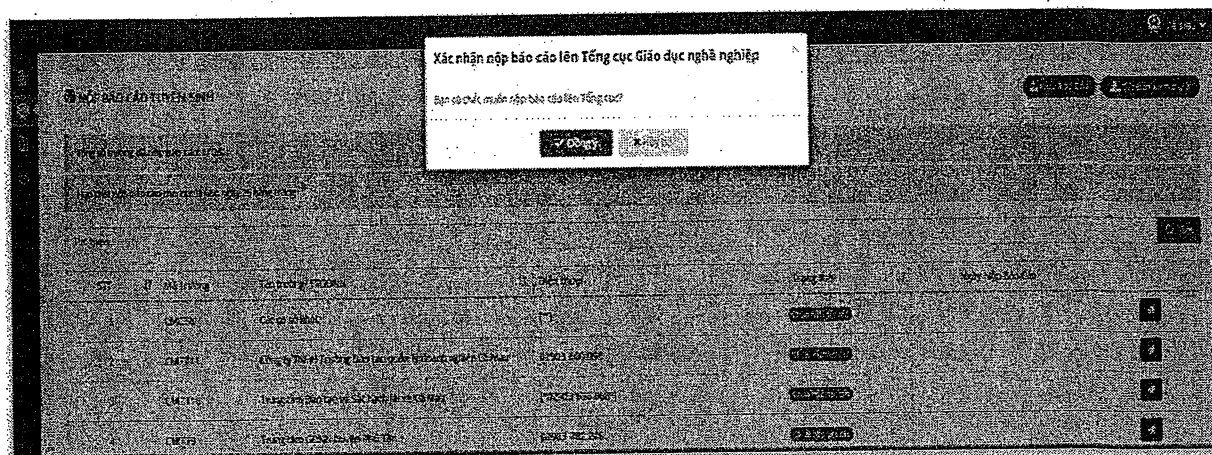
Tên trường để báo cáo:

Hạng chức vụ báo cáo:

Tên đơn vị:

STT	Mã trường	Tên trường/ TGDNN	Điện thoại	Trạng thái	Ngày nộp Báo Cáo
1	CMCHS	Các cơ sở khác	07	Tải bản xem trước	Đóng
2	CMTH1	Công ty TNHH Thương Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 600 998	Tải bản xem trước	Đóng
3	CMTH6	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	02903 876 669	Tải bản xem trước	Đóng
4	CMTH9	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 780 246	Tải bản xem trước	Đóng
5	CMTH5	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hải	02903 799 267	Tải bản xem trước	Đóng

- Hệ thống hiển thị cửa sổ yêu cầu xác nhận. Chọn “Đồng ý” để gửi báo cáo lên cho Tổng cục GDNN hoặc “Hủy bỏ” để bỏ thao tác.



2.2.2. Nộp Báo Cáo Tốt Nghiệp

- **Bước 1:** Kiểm tra trạng thái nộp báo cáo tốt nghiệp của các Trường/Trung tâm trực thuộc Sở.

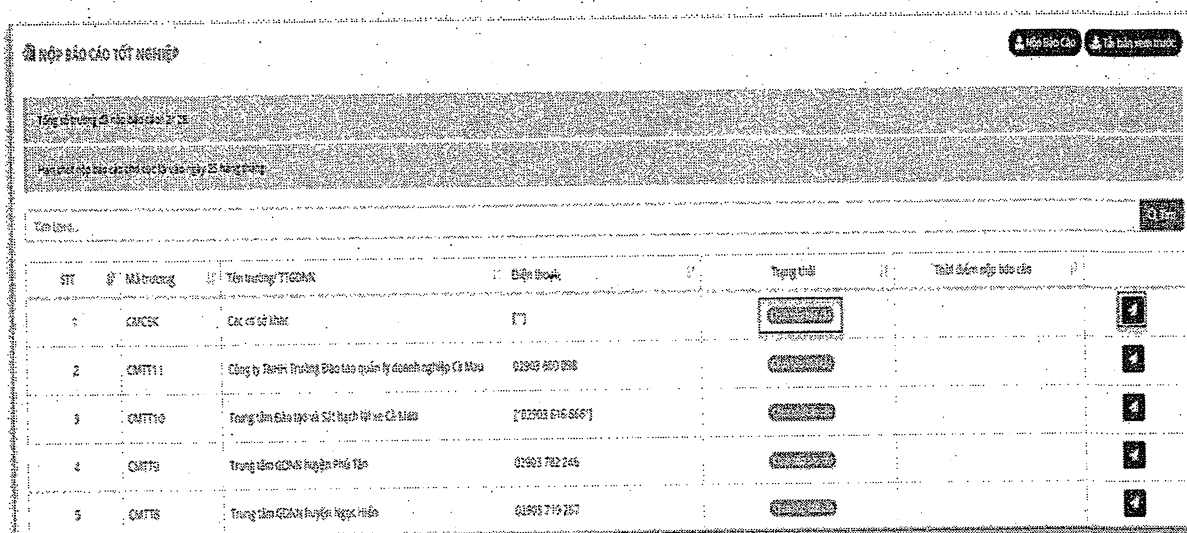
- Nếu trường đã nộp báo cáo trạng thái hiển thị:

Đã nộp báo cáo

- Nếu trường chưa nộp báo cáo trạng thái hiển thị:

Chưa nộp báo cáo

- Sở sử dụng chức năng gửi email **4** để nhắc nhở các Trường / Trung tâm nộp báo cáo. Hệ thống sẽ gửi thư nhắc nhở đến Trường / Trung tâm về việc chưa nộp báo cáo và yêu cầu nộp báo cáo đúng hạn.



- **Bước 2:** Chọn “Tải bản xem trước” để tải bản báo cáo tổng hợp của các trường.

Chức năng Báo cáo tốt nghiệp

Trang 1/1

Hạn chế này báo cáo được ở các ngày 22 hàng tháng

Tìm kiếm...

STT	ST	Mã trường	Tên trường/TCGDNN	Điện thoại	Tương ứng	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMC01	Các cơ sở khác				
2	CM011	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02997 200 000			
3	CM0110	Trường đào tạo tạo và SMT học sinh Cà Mau	02993 616 880			
4	CM012	Trường đào tạo Quản lý Phụ Nữ	02903 782 240			

- Hệ thống hiển thị cửa sổ thông báo chờ xử lý dữ liệu báo cáo.
- Chọn **Tải xuống** để lưu tập tin báo cáo về máy tính hoặc **Đóng** để hủy bỏ.

Chức năng Báo cáo tốt nghiệp

Trang 1/1

Hạn chế này báo cáo được ở các ngày 22 hàng tháng

Tìm kiếm...

Xử lý Dữ liệu Báo cáo

Xử lý dữ liệu báo cáo, nhấn nút Tải xuống để tải tập tin báo cáo.

Tải xuống **Đóng**

STT	ST	Mã trường	Tên trường/TCGDNN	Điện thoại	Tương ứng	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMC01	Các cơ sở khác				
2	CM011	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02997 200 000			
3	CM0110	Trường đào tạo tạo và SMT học sinh Cà Mau	02993 616 880			
4	CM012	Trường đào tạo Quản lý Phụ Nữ	02903 782 240			

- **Bước 3:** Chọn “Nộp báo cáo” để gửi báo cáo tổng hợp của các trường lên cho TCGDNN

Chức năng Báo cáo tốt nghiệp

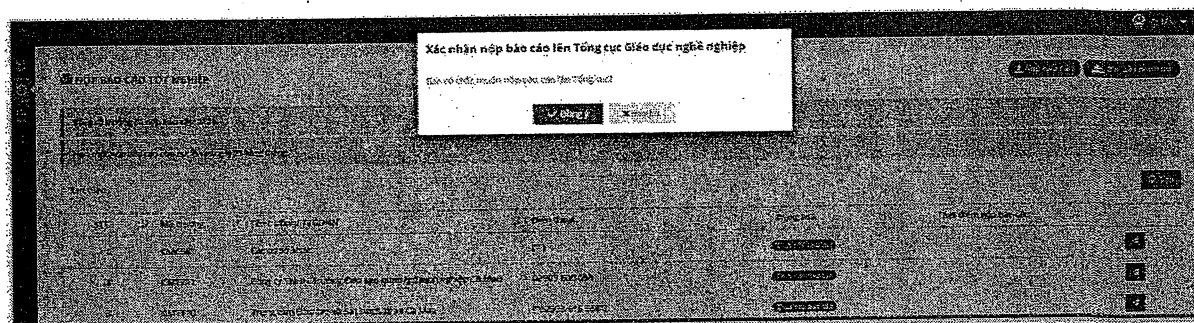
Trang 1/1

Hạn chế này báo cáo được ở các ngày 22 hàng tháng

Tìm kiếm...

STT	ST	Mã trường	Tên trường/TCGDNN	Điện thoại	Tương ứng	Thời điểm nộp báo cáo
1	CMC01	Các cơ sở khác				
2	CM011	Công ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02997 200 000			
3	CM0110	Trường đào tạo tạo và SMT học sinh Cà Mau	02993 616 880			
4	CM012	Trường đào tạo Quản lý Phụ Nữ	02903 782 240			

– Hệ thống hiển thị cửa sổ yêu cầu xác nhận. Chọn **Đồng ý** để nộp báo cáo lên cho TCGDNN hoặc **Hủy bỏ** để bỏ thao tác.



2.3. Cài đặt hệ thống

2.3.1. Loại trường

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Loại Trường”
- **Bước 2:** Tại mục “Loại Trường” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các loại trường có trên hệ thống.

* LOẠI TRƯỜNG				
Tìm kiếm...				
STT	IF	Mã	Tên	MST
1	24		Cơ sở GONN khác	
2	23		Trung tâm GONN	
3	22		Trung Cấp	
4	21		Cao Đẳng	
Hiện 1 đến 4 của 4 dòng				
				Trang trước Trang kế

2.3.2. Hồ sơ Sở

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Hồ Sơ Sở LĐT&XH”
- **Bước 2:** Tại mục “Hồ Sơ Sở LĐT&XH” Sở có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin của Sở.
- **Bước 3:** Sau đó nhấn “Lưu thay đổi” để lưu lại.

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

Mã số thuế:

Tên:

Yêu cầu cấp (t): Tỉnh (t):

Đường đăng ký văn phòng: Mã số:

Điện thoại (t): Điện thoại (t):

Thư điện tử: Liên hệ:

Địa chỉ (t):

112 Đường Phan Bội Châu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc gia:

Quốc gia:

2.3.3. Ngành Nghề

- Bước 1: Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Ngành nghề”
- Bước 2: Tại mục “Ngành nghề” giao diện hiển thị tất cả các ngành nghề có trên hệ thống.

STT	ST	Mã	Tên	Tiếng Anh	Trình độ
1	1010101	1010101	Sản xuất và lắp ráp máy	Sản xuất và lắp ráp máy	Sơ cấp
2	1010102	1010102	Đánh máy	Đánh máy	Sơ cấp
3	1010103	1010103	Cắt gọt	Cắt gọt	Sơ cấp
4	1010104	1010104	Lắp đặt thiết bị điện	Lắp đặt thiết bị điện	Sơ cấp
5	1010105	1010105	Lắp đặt điện công nghiệp	Lắp đặt điện công nghiệp	Sơ cấp
6	1010106	1010106	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp
7	1010107	1010107	Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp
8	1010108	1010108	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	Sơ cấp
9	1010109	1010109	Pha chế đồ uống	Pha chế đồ uống	Sơ cấp
10	1010110	1010110	Sản xuất trong lĩnh vực	Sản xuất trong lĩnh vực	Sơ cấp
11	1010111	1010111	Quản trị nhà hàng	Quản trị nhà hàng	Sơ cấp
12	1010112	1010112	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Sơ cấp
13	1010113	1010113	Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp

Thêm mới ngành nghề

- Bước 1: Chọn chức năng thêm mới : 
- Bước 2: Nhập các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập Mã, Tên, Tên tiếng Anh, Mô tả.
 - Chọn Lĩnh vực, Trình độ, Nhóm ngành.
 - Tích vào ô “Kích hoạt” nếu muốn sử dụng ngành nghề vừa tạo.
 - Tích vào ô “Tiếp tục thêm” nếu muốn thêm liên tục.

Thêm mới

Mã:

Tên:

Tiếng Anh:

Lĩnh vực (+)

Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

Trình độ (+)

Cao đẳng

Nhóm ngành (+)

Nothing selected

Mô Tả:

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt

☐ Tiếp tục thêm

Lưu

X Đóng

- **Bước 3:** Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ thêm mới.

✚ **Bổ sung, chỉnh sửa tên ngành, nghề tuyển sinh**

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng cập nhật
- **Bước 2:** Chỉnh sửa các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã**, **Tên**, **Tên tiếng anh**, **Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực**, **Trình độ**, **Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô “**Kích hoạt**” nếu muốn sử dụng ngành nghề này hoặc bỏ tích nếu không sử dụng.

Cập nhật

Mã:

Tên:

Tiếng Anh:

Lĩnh vực (*):

Trình độ (*):

Nhóm ngành:

Mô tả:

Tùy chọn thêm:
☒ Kích hoạt
☐ Tiếp tục thêm

Lưu **Đóng**

- **Bước 3:** Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

Xóa ngành nghề

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng xóa 

Xác nhận xóa

Bạn có chắc muốn xóa dòng này?

Xóa **Đóng**

- **Bước 2:** Chọn “**Xóa**” để xóa ngành nghề hoặc “**Đóng**” để hủy bỏ.

*** **Lưu ý:** Sở chỉ có thể cập nhật và xóa các ngành nghề do chính Sở tạo.

2.3.4. Lĩnh Vực

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Lĩnh Vực”.
- **Bước 2:** Tại mục “Lĩnh Vực” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các lĩnh vực có trên hệ thống.

LĨNH VỰC						
Tìm theo...						
STT	ST	Mã	Tên	Lĩnh Vực	Trạng Thái	
1		685	An ninh, quốc phòng	Cao đẳng		
2		688	Môi trường và bảo vệ môi trường	Cao đẳng		
3		684	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng		
4		681	Dịch vụ khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Cao đẳng		
5		676	Dịch vụ xã hội	Cao đẳng		
6		672	Sức khỏe	Cao đẳng		
7		654	Thủy	Cao đẳng		
8		642	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Cao đẳng		
9		634	Kiến trúc và xây dựng	Cao đẳng		
10		624	Sản xuất và chế biến	Cao đẳng		
11		652	Kỹ thuật	Cao đẳng		

2.3.5. Nhóm Ngành

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Nhóm Ngành”.
- **Bước 2:** Tại mục “Nhóm Ngành” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các nhóm ngành có trên hệ thống.

DANH SÁCH NHÓM NGÀNH						
Tìm theo...						
STT	ST	Mã	Tên	Tên tiếng Anh	Lĩnh Vực	Trạng Thái
1			Lưu	Lưu và cơ giới	Dịch vụ vận tải	Cao đẳng
2		65108	Công nghệ kỹ thuật in	Printing engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
3		65107	Công nghệ dầu khí và khoáng sản	Oil and gas technology and exploration	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
4		65106	Quản lý công nghiệp	Industrial management	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
5		65105	Công nghệ sản xuất	Industrial production	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
6		65104	Công nghệ hóa học vật liệu, luyện kim và môi trường	Chemistry, material, metallurgical and environment engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
7		65103	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	Electric, electronic and telecommunication engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
8		65102	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Mechanical engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
9		65101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Architecture and construction engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng
10		64802	Công nghệ thông tin	IT	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng
11		64801	Máy tính	Computer	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng
12		64802	Thống kê	Statistics	Tài liệu và thống kê	Cao đẳng

2.3.6. Danh sách tài khoản

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Danh Sách Tài Khoản”.
- **Bước 2:** Tại mục “Danh Sách Tài Khoản” Sở chỉ có thể xem và tra cứu các tài khoản của trường trực thuộc Sở.

DANH SÁCH TÀI KHOẢN				
STT	ST	Cơ quan quản lý	Tên tài khoản	Quyền hệ thống
1		Kông ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	nguyenthai@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
2		Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	khunganhcm@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
3		Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	daynghachinh@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm
4		Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	tdngnngohy@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
5		Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	tdngnngncc@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
6		Trung tâm GDNN huyện U Minh	trungtam@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
7		Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thới	tdngntrvthoi@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
8		Trung tâm GDNN huyện Cái Nước	tdngncn@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
9		Trung tâm GDNN huyện Đầm Dơi	tdngnddm@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm
10		Trung tâm GDNN huyện Thới Bình	tdngnthb@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm
11		Trung tâm GDNN thành phố Cà Mau	tdngtpcm@yahoo.com.vn	Tài khoản cấp trường - trung tâm
12		Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	baoma.cdyt@gmail.com	Tài khoản cấp trường - trung tâm

2.3.7. Danh sách trường

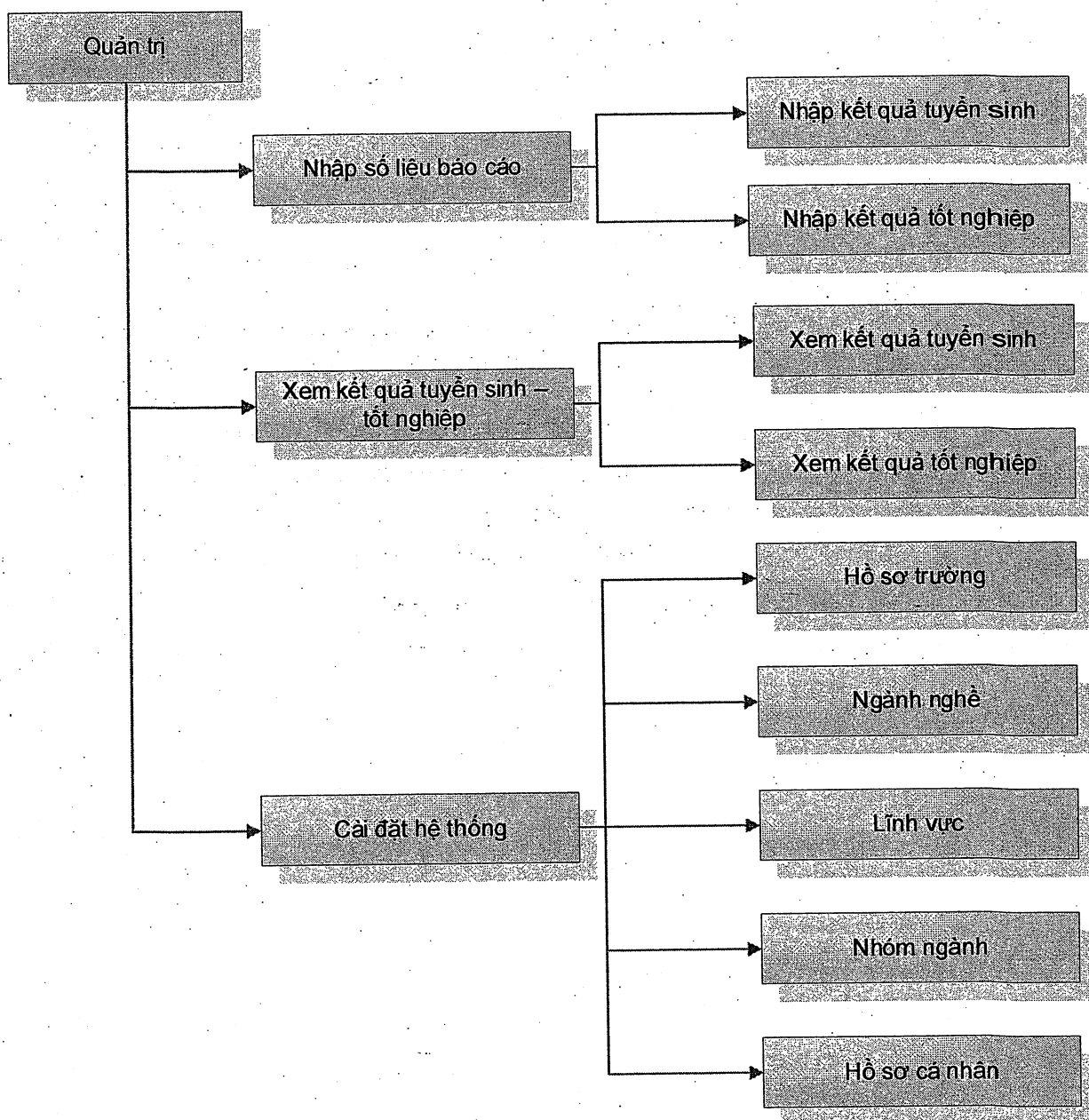
- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Trường”
- **Bước 2:** Tại mục “Trường” Sở có thể xem và tra cứu các trường trực thuộc Sở.

TRƯỜNG				
STT	Mã	Tên	Điện Thoại	Địa Chỉ
1	CMESK	Các cơ sở khác	T.T	
2	CMTH1	Kông ty TNHH Trường Đào tạo quản lý doanh nghiệp Cà Mau	02903 690 088	Số 29, Đường Phan Ngọc Hiển, phường 3, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
3	CMTH2	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Cà Mau	02903 616 688	Ấp Bồ Đề, xã Lộ Văn Lâm, tp Cà Mau
4	CMTH3	Trung tâm GDNN huyện Phú Tân	02903 782 246	Khóm 1, thị trấn Cái Dội, huyện Phú Tân
5	CMTH4	Trung tâm GDNN huyện Ngọc Hiển	02903 719 267	Khóm 3, thị trấn Bạch Ngọc, huyện Ngọc Hiển
6	CMTH5	Trung tâm GDNN huyện Năm Căn	02903 976 311	Khóm Cái Núi, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn
7	CMTH6	Trung tâm GDNN huyện U Minh	02903 863 542	Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh
8	CMTH7	Trung tâm GDNN huyện Trần Văn Thới	02903 636 137	Khóm 2, thị trấn Trần Văn Thới, huyện Trần Văn Thới
9	CMTH8	Trung tâm GDNN huyện Cái Nước	02903 662 024	Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông
10	CMTH9	Trung tâm GDNN huyện Đầm Dơi	02903 858 041	Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi
11	CMTH10	Trung tâm GDNN huyện Thới Bình	02903 610 116	Khóm 2, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG DÀNH CHO CÁC TRƯỜNG/TRUNG TÂM

1. Phân quyền



2. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống

2.1. Nhập số liệu báo cáo

2.1.1. Nhập Kết Quả Tuyển Sinh

- Bước 1: Nhấn vào “Nhập số liệu báo cáo”, chọn “Nhập Kết Quả Tuyển Sinh”
- Bước 2: Tại mục “Nhập Kết Quả Tuyển Sinh”
 - Chọn “File mẫu” để tải mẫu tệp nhập liệu báo cáo.

- Điền đầy đủ các thông tin của đơn vị báo cáo: Đơn vị, Địa chỉ, Điện thoại trường, Website, Điện thoại bộ phận tuyển sinh, Email bộ phận tuyển sinh.
- Cập nhật năm báo cáo và thời điểm báo cáo.

Đơn vị:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
Địa chỉ:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
Website:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:		Địa điểm hệ phân tuyến tính:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
KẾT QUẢ TUYỂN SINH THƯỜNG ĐẦU NĂM Tên đơn vị các năm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
STT	Ký hiệu, loại đơn vị	Kế hoạch tuyển sinh năm (theo Công ty và năm 2015)				Kết quả tuyển sinh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
		Tên đơn vị	CD	CC	Số kế hoạch tuyển sinh năm	Số kế hoạch tuyển sinh hệ Cao đẳng	Chức vụ tuyển sinh										Số kế hoạch tuyển sinh hệ Trung cấp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
							Chức vụ tuyển sinh					Chức vụ tuyển sinh					Chức vụ tuyển sinh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
							Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh	Chức vụ tuyển sinh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
																			Chức vụ tuyển sinh		Chức vụ tuyển sinh		Chức vụ tuyển sinh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

- Phần dữ liệu báo cáo:
- Cột B: Mã ngành nghề.
 - Cột C: Tên ngành nghề.
 - Cột D: Tổng số kế hoạch tuyển sinh của năm báo cáo.
 - Cột E: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Cao đẳng** của năm báo cáo.
 - Cột F: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Trung cấp** của năm báo cáo.
 - Cột G: Tổng số kế hoạch tuyển sinh hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** của năm báo cáo.
 - Cột H: Tổng số kết quả tuyển sinh các trình độ.
 - Cột I: Tổng số kết quả tuyển sinh **Nữ** các trình độ.
 - Cột J: Tổng số kết quả tuyển sinh **Dân tộc thiểu số/ít người** các trình độ.
 - Cột K: Tổng số tuyển sinh hệ **Cao đẳng**.
 - Cột L: Tuyển mới hệ **Cao đẳng**.
 - Cột M: Liên thông hệ **Cao đẳng**.
 - Cột N: Tổng số nữ hệ **Cao đẳng**.
 - Cột O: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ **Cao đẳng**.
 - Cột P: Tổng số tuyển sinh hệ **Trung cấp**.
 - Cột Q: Tổng số tuyển mới hệ **trung cấp** từ học sinh tốt nghiệp **THCS**.
 - Cột R: Tổng số tuyển mới hệ **trung cấp** từ học sinh tốt nghiệp **THPT**.
 - Cột S: Tổng số nữ hệ **Trung cấp**.
 - Cột T: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ **Trung cấp**.
 - Cột U: Tổng tuyển sinh **Sơ cấp và đào tạo nghề khác**.
 - Cột V: Tổng số tuyển sinh **sơ cấp**.
 - Cột W: Tổng số tuyển sinh từ các chương trình đào tạo nghề khác.

- Cột X: Tổng số nữ hệ Sơ cấp.
- Cột Y: Tổng số dân tộc thiểu số/ít người hệ Sơ cấp.

Tên vị:
 Họ chữ:
 Họ chữ đệm:
 Website:

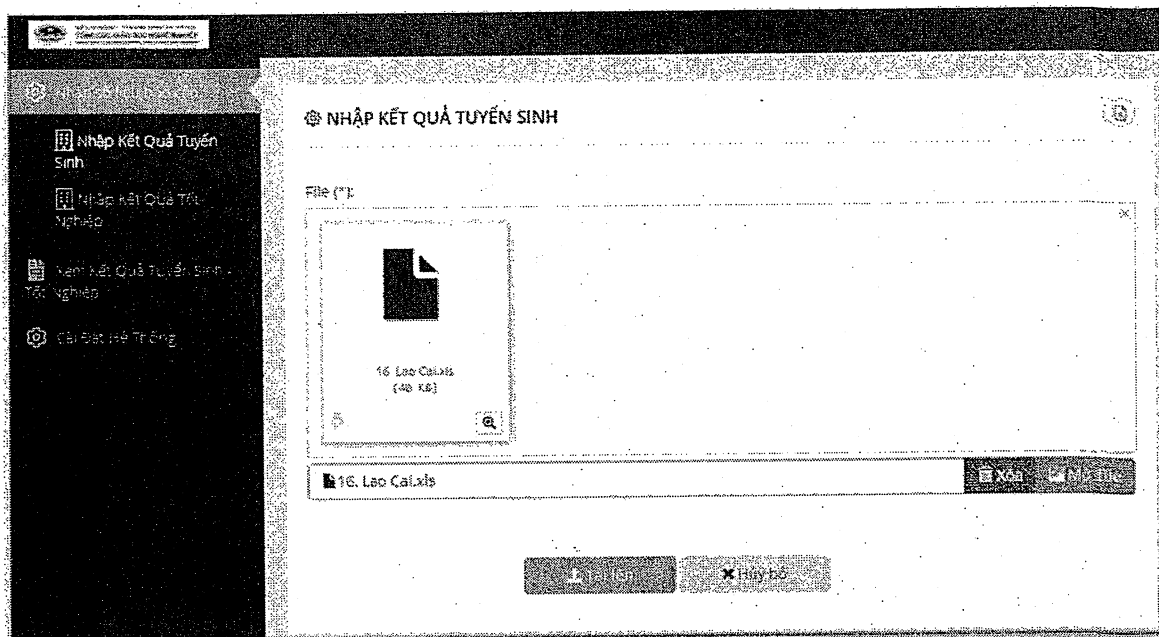
Điện thoại bộ phận tuyển sinh:
 Email bộ phận tuyển sinh:

KẾT QUẢ TUYỂN SINH 06 THÁNG ĐẦU NĂM
 Tính đến hết các Ngày tháng năm

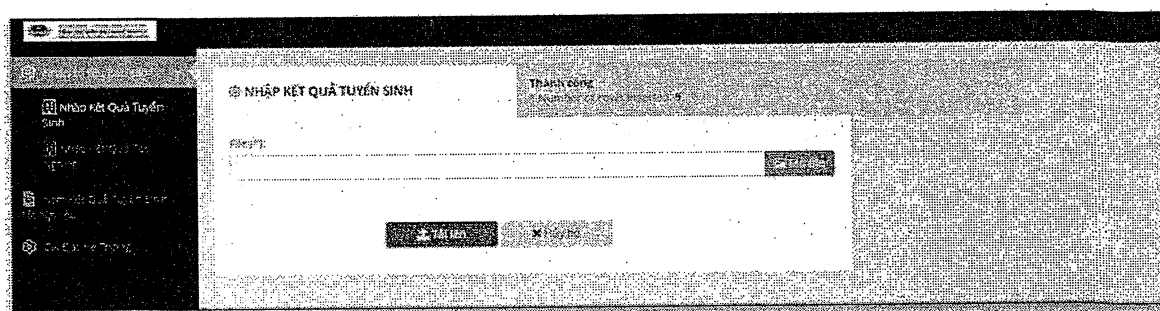
STT	Nghiên cứu địa điểm	Kế hoạch tuyển sinh năm (theo đúng kế hoạch TS đầu năm)				Thực hiện tuyển sinh																																																																																															
		Tổng số	CB	TC	Số CV theo yêu cầu tuyển sinh theo yêu cầu	Tuyển sinh theo yêu cầu		Chức vụ tuyển sinh																																																																																													
						Số CV	Số CV theo yêu cầu tuyển sinh	CB		TC				Số CV các trường tuyển sinh theo yêu cầu tuyển sinh				Số CV																																																																																			
								CB	TC	CB	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC	TC																																																																																	
STT	Tên nghiên cứu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

- Chọn **“File → Save”** để lưu lại tệp báo cáo.
- **Bước 3:** Tại mục **“Nhập Kết Quả Tuyển Sinh”**
 - Chọn **“Mở file”** để tải tệp từ máy tính lên hệ thống.

- Sau đó nhận “Tải lên”.

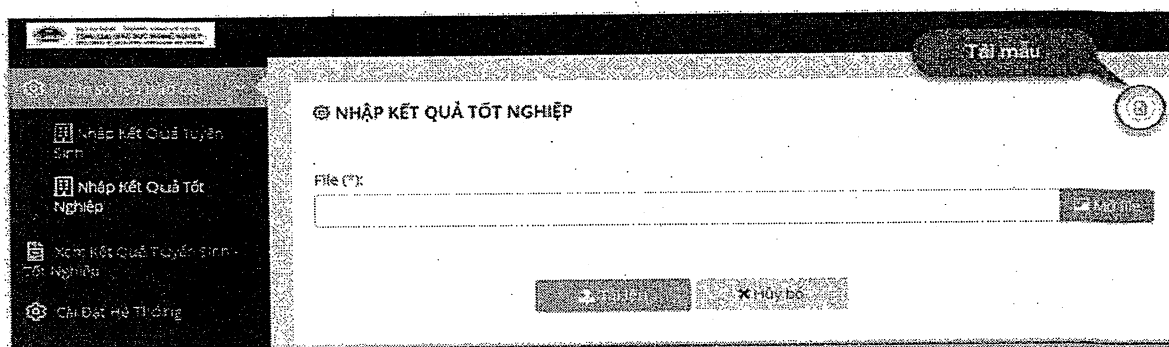


- **Bước 4:** Hệ thống hiển thị thông báo thành công



2.1.2. Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp

- **Bước 1:** Nhấn vào “Nhập số liệu báo cáo”, chọn “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”
- **Bước 2:** Tại mục “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”
 - Chọn “File mẫu” để tải mẫu tệp nhập liệu báo cáo.



- Điền đầy đủ các thông tin của đơn vị báo cáo: Tên đơn vị, Địa chỉ, Điện thoại, Website, Điện thoại Phòng Đào tạo, Email Phòng Đào tạo.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	
Tên đơn vị: Trường/Trung tâm/CS khác																					
Địa chỉ:																					
Điện thoại:										Điện thoại Phòng Đào tạo											
Website:										Email Phòng Đào tạo:											
BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																					
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																					
Đơn vị tính: Người																					
STT	Ngành, nghề đào tạo		Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ Cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
				Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CD	TC	SC	CD	TC	SC	
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)+(2)+(3)+(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
	kh2	Lấy xe B2	500	600	550	100	200	400	350	300	200	300	120	100	50	200	30	6000000	5000000	4000000	
	Tổng cộng																				

– Cập nhật năm báo cáo và thời điểm báo cáo.

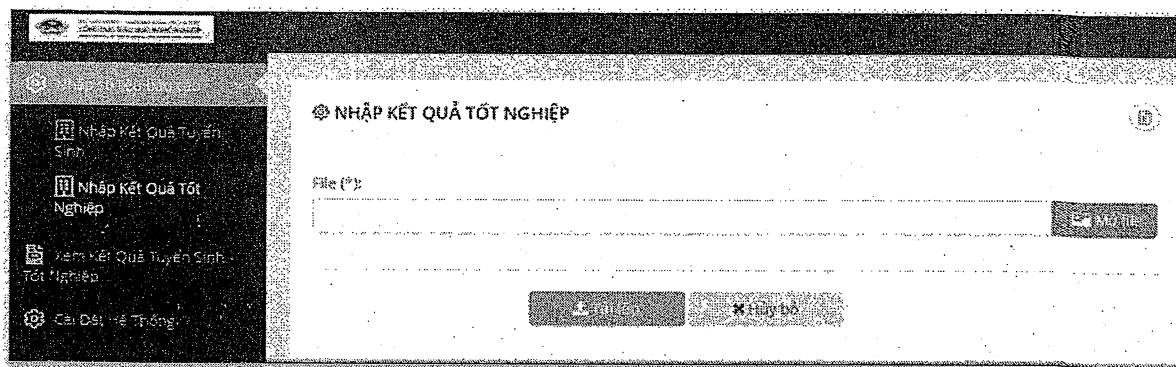
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	
Tên đơn vị: Trường/Trung tâm/CS khác																					
Địa chỉ:																					
Điện thoại:										Điện thoại Phòng Đào tạo											
Website:										Email Phòng Đào tạo:											
BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																					
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																					
Đơn vị tính: Người																					
STT	Ngành, nghề đào tạo		Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ Cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
				Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi, xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN khá, giỏi (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi, xét TN	Số TN	CD	TC	SC	CD	TC	SC	
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)+(2)+(3)+(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
	kh2	Lấy xe B2	500	600	550	100	200	400	350	300	200	300	120	100	50	200	30	6000000	5000000	4000000	
	Tổng cộng																				

- Phân dữ liệu báo cáo:
- Cột B: Mã ngành nghề.
 - Cột C: Tên ngành nghề.
 - Cột D: Tổng số người tốt nghiệp.
 - Cột E: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** nhập học đầu khóa.
 - Cột F: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.
 - Cột G: Tổng số sinh viên hệ **Cao đẳng** tốt nghiệp.
 - Cột H: Tỷ lệ sinh viên hệ **Cao đẳng** tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi.
 - Cột I: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** nhập học đầu khóa.
 - Cột J: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.

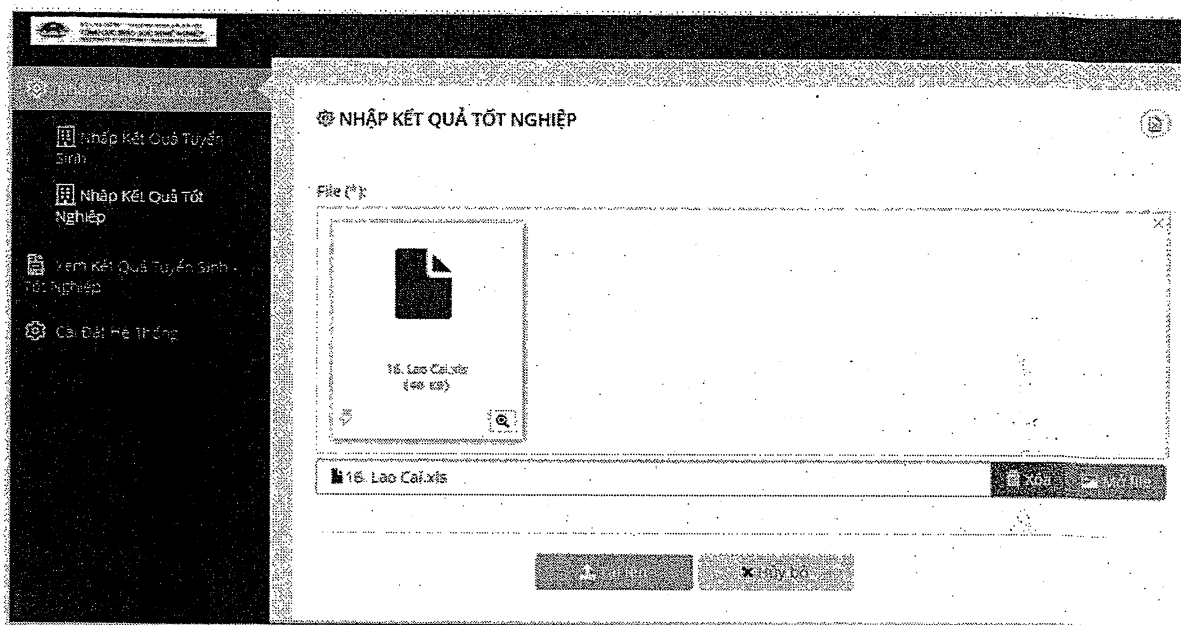
- Cột K: Tổng số sinh viên hệ **Trung cấp** tốt nghiệp.
- Cột L: Tỷ lệ sinh viên hệ **Trung cấp** tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi.
- Cột M: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** nhập học đầu khóa.
- Cột N: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** đủ điều kiện thi, xét tốt nghiệp.
- Cột O: Tổng số sinh viên hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** tốt nghiệp.
- Cột P: Tỷ lệ người học hệ **Cao đẳng** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
- Cột Q: Tỷ lệ người học hệ **Trung cấp** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
- Cột R: Tỷ lệ người học hệ **Sơ cấp và đào tạo nghề khác** có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
- Cột S: Mức lương trung bình của người học hệ **Cao đẳng**.
- Cột T: Mức lương trung bình của người học hệ **Trung cấp**.
- Cột U: Mức lương trung bình của người học hệ **Sơ cấp**.

A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U																				
Tên đơn vị: Trường/Trung tâm/CS khác																				
Địa chỉ:																				
Điện thoại:										Điện thoại Phòng Đào tạo										
Website:										Email Phòng Đào tạo:										
BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN, NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM																				
Thời điểm báo cáo: ngày tháng năm																				
																		Đơn vị tính: Người		
STT	Ngành, nghề đào tạo	Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và đào tạo nghề nghiệp khác				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)			Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
			Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN (%)	Số HS nhập học đầu khóa	Số HS đủ điều kiện thi xét TN	Số HS TN	Tỷ lệ TN (%)	Số nhập học đầu khóa	Số đủ điều kiện thi xét TN	Số TN	CD	TC	SC	CD	TC	SC	
	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)-(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	
	lob2	Lầy xe B2	500	400	330	100	200	450	330	300	200	300	120	190	50	200	50	6000000	5000000	4000000
		Tổng cộng																		

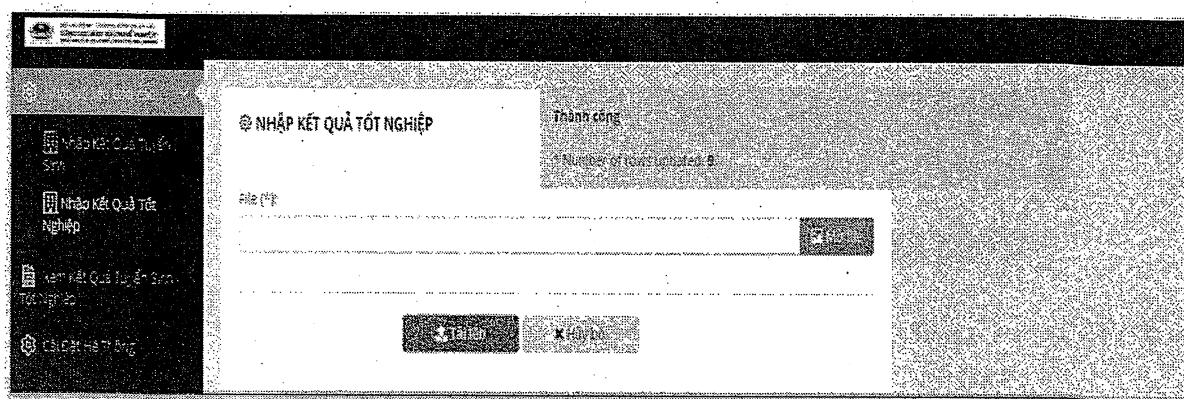
- Chọn **“File → Save”** để lưu lại tệp báo cáo.
- **Bước 3: Tại mục “Nhập Kết Quả Tốt Nghiệp”**
 - Chọn **“Mở file”** để tải tệp từ máy tính lên hệ thống



– Sau đó nhấn “Tải lên”.



Bước 4: Hệ thống hiển thị thông báo thành công



2.2. Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp

2.2.1. Xem kết quả tuyển sinh

- **Bước 1:** Nhấn vào “Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp”, chọn “Xem Kết Quả Tuyển Sinh”

- **Bước 2: Tại mục “Xem Kết Quả Tuyển Sinh”**
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục “Quý” và “Năm”.
 - Sau đó nhấn “Tìm”

- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

[illegible]

2.2.2. Xem kết quả tốt nghiệp.

- **Bước 1:** Nhấn vào “**Xem kết quả Tuyển sinh – Tốt nghiệp**”, chọn “**Xem Kết Quả Tốt Nghiệp**”
- **Bước 2:** Tại mục “**Xem Kết Quả Tốt Nghiệp**”
 - Tùy chỉnh thông tin ở mục “**Tháng**” và “**Năm**”.
 - Sau đó nhấn “**Tìm**”
- **Bước 3:** Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm theo mục đã chọn.

KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Họ và tên:	Dương Hồng Cầu Long
Số lớp/batch:	22-000
Trường/TGDN:	Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc C&K Việt Nam
Tháng:	6
Năm:	2020
Chữ ký	

STT	Tên ngành, nghề đào tạo	Tổng số người học tốt nghiệp	Trình độ cao đẳng				Trình độ Trung cấp				Trình độ Sơ cấp và DTX				Người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (%)				Mức lương trung bình (Triệu đồng/tháng)		
			Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN (%)	Số SV nhập học đầu khoá	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	Tỷ lệ TN (%)	Số SV nhập học đầu khóa	Số SV đủ điều kiện thi, xét TN	Số SV TN	CR	TC	SC	CO	TC	SC		
(A)	(B)	(C)=(D)-(E)+(F)	(G)	(H)	(I)	(J)	(K)	(L)	(M)	(N)	(O)	(P)	(Q)	(R)	(S)	(T)	(U)	(V)	(W)		
1	Bảo vệ thực vật	30	-	-	-	70	35	20	67	-	-	-	25	-	-	-	4	-	-		
2	Chế tạo thiết bị cơ khí	15	-	-	-	33	15	15	100	-	-	-	57	-	-	-	5	-	-		
3	Cơ điện tử	10	10	10	100	14	6	100	-	-	-	100	100	-	-	6	-	-			
4	Công nghệ ô tô	115	24	12	10	91,7	270	160	102	93,5	-	-	95	95	-	6	5	-			
5	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm	17	-	-	-	24	16	17	78	-	-	-	60	-	-	-	5	-			
6	Công tác xã hội	13	-	-	-	28	13	13	100	-	-	-	13	-	-	-	3	-			

3. Cài đặt hệ thống

3.1. Hồ Sơ Trường

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Hồ Sơ Trường”
- **Bước 2:** Tại mục “Hồ Sơ Trường” người dùng có thể bổ sung và chỉnh sửa các thông tin của đơn vị trường.
- **Bước 3:** Sau đó nhấn “Lưu thay đổi” để lưu lại.

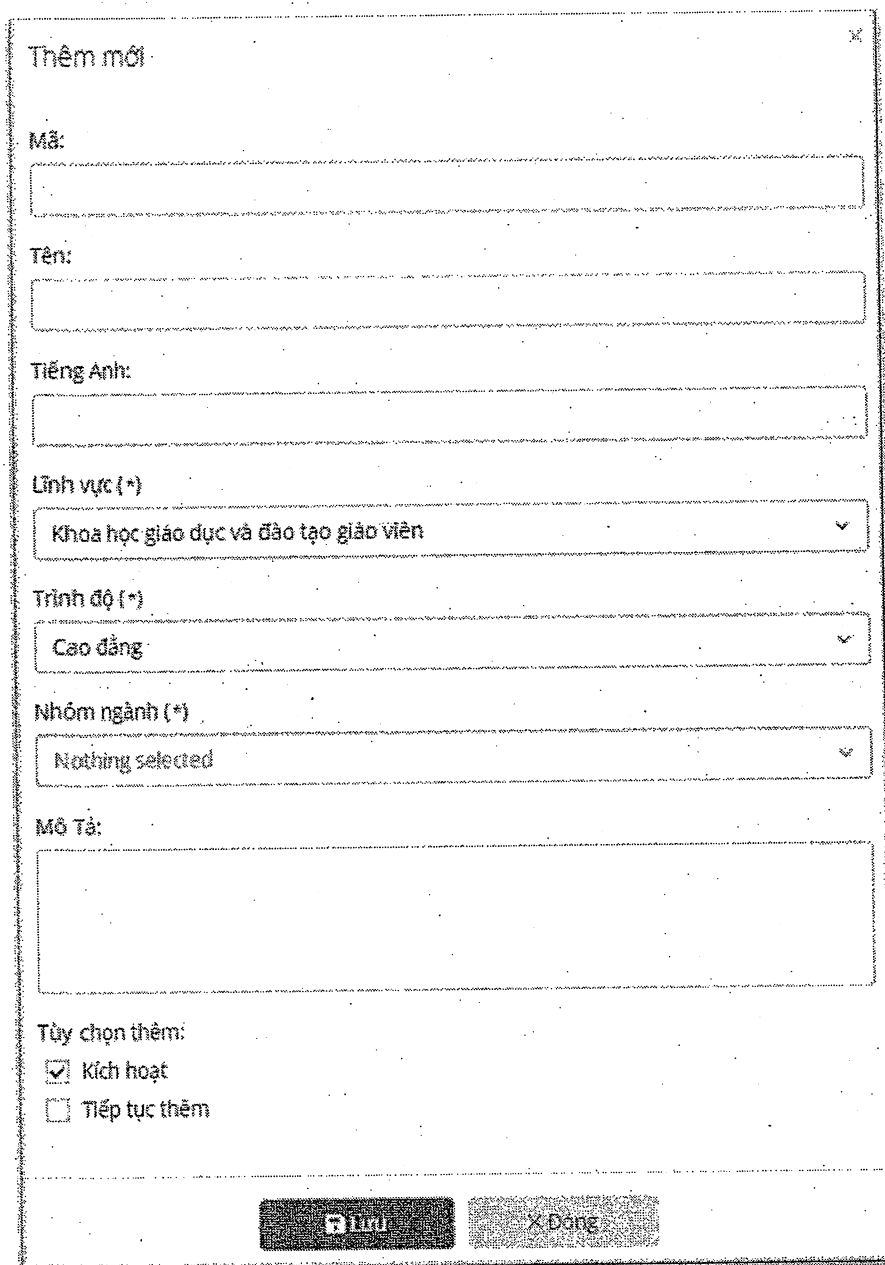
3.2. Ngành Nghề

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Ngành nghề”
- **Bước 2:** Tại mục “Ngành nghề” giao diện hiển thị tất cả các ngành nghề có trên hệ thống.

STT	Mã	Tên	Tiếng Anh	Trạng thái
1	h00001	Sơ cấp và đào tạo TE	Sơ cấp và đào tạo TE	Sơ cấp
2	h00002	Đào tạo 3 tháng	Đào tạo 3 tháng	Sơ cấp
3	h00003	Kế toán	Kế toán	Sơ cấp
4	h00007	Lắp đặt thiết bị điện	Lắp đặt thiết bị điện	Sơ cấp
5	h00006	Lắp đặt điện công trình	Lắp đặt điện công trình	Sơ cấp
6	h00005	Hệ thống xây dựng	Hệ thống xây dựng	Sơ cấp
7	h00004	Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp
8	h00003	Hệ thống chế biến món ăn	Hệ thống chế biến món ăn	Sơ cấp
9	h00012	Pha chế đồ uống	Pha chế đồ uống	Sơ cấp
10	h00001	Bàn hàng trưng bày đồ	Bàn hàng trưng bày đồ	Sơ cấp
11	h00002	Quản trị nhà hàng	Quản trị nhà hàng	Sơ cấp
12	h00001	Hệ thống xây dựng	Hệ thống xây dựng	Sơ cấp
13	h00001	Quản lý khách sạn	Quản lý khách sạn	Sơ cấp

3.2.1. Thêm mới ngành nghề

- **Bước 1:** Chọn chức năng thêm mới 
- **Bước 2:** Nhập các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã**, **Tên**, **Tên tiếng anh**, **Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực**, **Trình độ**, **Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô **“Kích hoạt”** nếu muốn sử dụng ngành nghề vừa tạo.
 - Tích vào ô **“Tiếp tục thêm”** nếu muốn thêm liên tục.



Thêm mới

Mã:

Tên:

Tiếng Anh:

Lĩnh vực (*)

Trình độ (*)

Nhóm ngành (*)

Mô Tả:

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt

☐ Tiếp tục thêm

Lưu X Đóng

- **Bước 3:** Nhấn **“Lưu”** để hoàn tất hoặc **“Đóng”** để hủy bỏ thêm mới.

3.2.2. Bổ sung, chỉnh sửa tên ngành, nghề tuyển sinh

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng cập nhật



- **Bước 2:** Chỉnh sửa các thông tin của ngành nghề:
 - Nhập **Mã**, **Tên**, **Tên tiếng anh**, **Mô tả**.
 - Chọn **Lĩnh vực**, **Trình độ**, **Nhóm ngành**.
 - Tích vào ô **“Kích hoạt”** nếu muốn sử dụng ngành nghề này hoặc bỏ tích nếu không sử dụng.

Cập nhật

Mã:

Test

Tên:

Kiểm tra thêm mới

Tiếng Anh:

Test

Lĩnh vực (+)

Công nghệ kỹ thuật

Trình độ (+)

Cao đẳng

Nhóm ngành

Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng

Mô Tả:

Thêm mới

Tùy chọn thêm:

☒ Kích hoạt
☐ Tiếp tục thêm

Lưu

X Đóng

- **Bước 3:** Nhấn **“Lưu”** để hoàn tất hoặc **“Đóng”** để hủy bỏ.

3.2.3. Xóa ngành nghề

- **Bước 1:** Tại lưới hiển thị danh sách ngành nghề, chọn chức năng xóa

Xác nhận xóa

Bạn có chắc muốn xóa dòng này?

Xóa
XĐóng

- **Bước 2:** Chọn “Xóa” để xóa ngành nghề hoặc “Đóng” để hủy bỏ.

Lưu ý: Trường chỉ có thể cập nhật và xóa các ngành nghề do chính trường tạo.

3.3. Lĩnh Vực

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Lĩnh Vực”
- **Bước 2:** Tại mục “Lĩnh Vực” Trường chỉ có thể xem và tra cứu các lĩnh vực có trên hệ thống.

STT	LT	469	LT	Tên	LT	Thon ĐU	LT	Thon ĐU	LT	Thon ĐU
1		469		469		469		469		469
2		469		469		469		469		469
3		469		469		469		469		469
4		469		469		469		469		469
5		469		469		469		469		469
6		469		469		469		469		469
7		469		469		469		469		469
8		469		469		469		469		469
9		469		469		469		469		469
10		469		469		469		469		469
11		469		469		469		469		469

3.4. Nhóm Ngành, nghề

- **Bước 1:** Nhấn vào “Cài Đặt Hệ Thống”, chọn “Nhóm Ngành, nghề”
- **Bước 2:** Tại mục “Nhóm Ngành, nghề” Trường chỉ có thể xem và tra cứu các nhóm ngành có trên hệ thống.

DANH SÁCH NHÓM NGÀNH

Tìm kiếm...

STT	ST	Mã	Tên	Tên tiếng Anh	Định vực	Trình độ	Trạng TT-ĐH	
1			Lái xe cơ giới	Lái xe cơ giới	Đặc vụ vận tải	Cao đẳng		
2	65103		Công nghệ kỹ thuật in	Printing engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
3	65107		Công nghệ dầu khí và khai thác	Oil and gas technology and exploitation	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
4	65106		Quản lý công nghiệp	Industrial management	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
5	65105		Công nghệ sản xuất	Industrial production	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
6	65104		Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường	Chemistry, material, metallurgical and environment engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
7	65103		Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử và viễn thông	Electric, electronic and telecommunication engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
8	65102		Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Mechanical engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
9	65101		Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Architecture and constructional engineering	Công nghệ kỹ thuật	Cao đẳng		
10	64502		Công nghệ thông tin	IT	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng		
11	64501		Máy tính	Computer	Máy tính và công nghệ thông tin	Cao đẳng		
12	64402		Thống kê	Statistics	Toán và thống kê	Cao đẳng		

THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ